

Bản án số: 50/2019/HSST

Ngày: 19/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Phước Tâm**
Bà **Phan Thị Mượt**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hòa** –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Ngọc Tân** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/HSST ngày 09/5/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/HSST-QĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thanh T, sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; nơi sinh: tỉnh Vĩnh Long; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp V, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 04/12; Cha tên: Lê Văn G, sinh năm 1952; Mẹ tên: Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Vợ: Võ Thị T (đã ly hôn); Con: Lê Thanh T, sinh năm 2012; Gia đình có 05 anh chị em lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại (vắng mặt tại phiên tòa).

* Người bị hại:

- **Dương Văn Đ**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

* Người làm chứng:

- **Dương Văn L**, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của người làm chứng: **Dương Văn Đ**, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969 (bà L vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối vào ngày 18/9/2018, Lê Thanh T từ tỉnh Vĩnh Long đến có tham gia uống rượu với ông Dương Văn Đ là người cùng xóm bên vợ của T, tại nhà của ông Đ thuộc ấp A, xã B, huyện C và ngủ tại nhà ông Đ.

Đến khoảng 08 giờ ngày 19/9/2018, T giả vờ hỏi mượn xe mô tô hiệu Sirius màu trắng, đỏ biển số 66F1-45510 do ông Đ đứng tên nói dối là để đi rút tiền tại thành phố L. Ông Đ tin tưởng đồng ý và đưa chìa khóa xe cho T thì con ông Đ là Dương Văn L xin đi theo T chơi nên T đưa chìa khóa cho L lấy xe điều khiển chở T đến khu vực Cầu Đá (thuộc ấp A, xã P, huyện C), L đưa xe cho T điều khiển chở L ngồi phía sau đi thành phố L vào trụ ATM (không rõ ở đâu) T giả vờ vào rút tiền rồi nói ATM hết tiền. Sau đó, T chở L vào chợ thành phố L kêu L ngồi đợi để T đi mua đồ nhưng L không chịu mà kêu T chở về chợ Thống Linh thuộc ấp A, xã P, huyện C để mua. Khi đến chợ Thống Linh, T ghé vào quán cà phê của chị Nguyễn Thị Hồng T để L ngồi ở quán nước còn T điều khiển xe vào trong chợ bán xe cho 02 người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể với giá 3.000.000 đồng. L ngồi đợi khoảng 02 giờ không thấy T quay lại nên đã điện thoại cho ông Đ đến Công an xã P trình báo về việc bị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 17/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đã kết luận giá trị của xe mô tô biển số 66F1-455.10 là 10.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra ông Dương Văn Đ cho rằng ngoài xe mô tô biển số 66F1-455.10 bị mất ra ông còn bị mất số tiền 10.103.000 đồng để trong cốp xe 66F1-455.10 và yêu cầu bị cáo Lê Thanh T bồi thường giá trị xe mô tô biển số 66F1-455.10 và 10.103.000 đồng. Riêng T chỉ thừa nhận có chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của ông Đ và đồng ý bồi thường xe theo yêu cầu ông Đ còn số tiền 10.103.000 đồng T không thừa nhận lấy và không đồng ý bồi thường. Ngoài lời khai ông Đ ra không còn chứng cứ nào khác chứng minh ông Đ có để tiền trong cốp xe như đã trình bày nên chưa có đủ cơ sở để buộc T chiếm đoạt của ông Đ số tiền 10.103.000 đồng mà chỉ có căn cứ kết luận T chiếm đoạt của ông Đ 01 xe mô tô hiệu Sirius màu trắng, đỏ biển số 66F1-455.10.

Tại cáo trạng số 18/CT – VKS ngày 06/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo **Lê Thanh T** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đề nghị Tòa tuyên như phần quyết định của bản Cáo trạng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cao Lãnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị cáo Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất nhưng bị cáo không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị cáo T đã bỏ trốn nên Hội đồng xét xử ra Quyết định số 01/2019/HSST-QĐ ngày 03/7/2019 để tạm đình chỉ giải quyết vụ án và yêu cầu Công an huyện Cao Lãnh truy nã bị cáo T. Đến ngày 04/10/2019, Công an huyện Cao Lãnh có Thông báo số 78/TB-CAH-ĐTTP về việc kết quả xác minh, truy bắt đối tượng truy nã Lê Thanh T không có kết quả, chưa có thông tin chính xác về nơi lẩn trốn của đối tượng. Ngày 07/10/2019, Tòa án Huyện ra Quyết định phục hồi vụ án để chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bị cáo T, nhưng bị cáo T vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có lý do chính đáng. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo T.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Lê Thanh T đã thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 18/CT-VKSHCL ngày 06/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh là đúng với hành vi của

bị cáo. Chính bị cáo Lê Thanh T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe mô tô hiệu Sirius biển số 66F1-455.10 của ông Dương Văn Đ có giá trị theo kết luận định giá tài sản là 10.000.000 đồng vào ngày 19/9/2018 tại ấp A, xã P, huyện C nhằm mục đích vụ lợi cá nhân. Hành vi lừa đảo bị cáo T đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo là có tội, đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”

[3] Xét hành vi của bị cáo Lê Thanh T, bị cáo T là người đã trưởng thành, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo thừa biết đây là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do bản chất tham lam, lười biếng lao động, xem thường pháp luật nên bị cáo đã bất chấp và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là công sức lao động của người khác. Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hoàn thành tội phạm. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì động cơ tư lợi, thực hiện hành vi do lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an nơi xảy ra vụ án. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của bị cáo gây ra.

Với hành vi nêu trên, xét thấy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và đấu tranh phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, sợ bị lãnh án bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Mặc dù khi liên hệ với gia đình, bị cáo biết rõ đang bị Cơ quan điều tra truy nã nhưng bị cáo vẫn cố tình trốn tránh, hành vi này đã gây khó khăn cho việc điều tra xét xử.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội do đó Hội đồng xét xử xem xét tình

tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Về nhân thân bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động. Do đó, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại Dương Văn Đ yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh giá trị xe mô tô biển số 66F1-455.10 tại thời điểm bị mất là 10.000.000 đồng và 10.103.000 đồng để trong cốp xe 66F1-455.10. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.103.000đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh Đ nghĩ nên chấp nhận. Anh Đ chỉ yêu cầu bị cáo Lê Thanh T bồi thường cho anh giá trị xe mô tô biển số 66F1-455.10 tại thời điểm bị mất là 10.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì khác. Xét thấy người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô bị mất là 10.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Về án phí: Bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Xét thấy lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thanh T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thanh T** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc Lê Thanh T bồi thường cho ông Dương Văn Đ giá trị xe mô tô biển số 66F1-455.10 tại thời điểm bị mất là 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CA huyện Cao Lãnh;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Huỳnh Trung Dũng